TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2020/QĐST-DS	*Vĩnh Y, ngày 11 tháng 9 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 31 tháng 8 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 04/2020/TLST- DS ngày 07 tháng 01 năm 2020

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

NguY đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1933; địa chỉ: Thôn T, xã Y , huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc;

Bị đơn: Cụ Lê Thị S, sinh năm 1931; địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc;

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị Q, sinh năm 1942;
- Bà Trần Thị R, sinh năm 1949;
- Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1952;
- Bà Trần Thị Y, sinh năm 1955;

Đều ở địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện Y , tỉnh Vĩnh Phúc.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bà N, bà Q, bà R, bà Đ, bà Y: Ông Nguyễn Ngọc H - Luật sư thuộc Văn phòng luật sư K thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Số 53/53 Vũ XT, phường S, quận L, thành phố Hà Nội.

- Bà Trần Thị T, sinh năm 1974;
- Ông Nguyễn Minh P, sinh năm 1967;

Đều ở địa chỉ: Khu 9, xã P, huyện Y , tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[2.1] Nội dung vụ án thể hiện:

Cụ Trần Văn B và cụ Nguyễn Thị G sinh được 06 người con là bà Trần Thị N, bà Trần Thị Q, ông Trần Văn O (ông O sinh năm 1945, chết năm 1968, là liệt sĩ, không có vợ con), bà Trần Thị R, bà Trần Thị Đ, bà Trần Thị Y. Khi hai cụ còn sống đã tạo dựng được khối tài sản là thửa đất số 145 (đất do ông cha để lại) có diện tích 228m^2 (trong đó 200m^2 đất ở 28m^2 đất vườn) và thửa đất số 144 (đất do bố mẹ các bà mua) có diện tích 124m^2 (toàn bộ là đất ở). Hai thửa đất này liền kề nhau có tổng diện tích 352m^2, thuộc tờ bản đồ số 5, thôn T, xã Y , huyện Y Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Năm 1959 cụ Nguyễn Thị G chết không để lại di chúc. Năm 1972 cụ B kết hôn với cụ Lê Thị S (hai người có một con chung là bà Trần Thị T). Năm 1991 cụ B chết không để lại di chúc.

Ngày 01/10/2001 toàn bộ 02 thửa đất trên được UBND huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 644165 cho "hộ bà Lê Thị S".

Năm 2012 gia đình họp bàn thống nhất bán một phần đất có diện tích 179m^2, phần đất này bao gồm toàn bộ thửa đất số 144 (đất ở) và một phần đất của thửa 145 (diện tích 55m^2, trong đó có 47m^2 đất ở 08m^2 đất vườn) cho vợ chồng bà Trần Thị T ông Nguyễn Minh P để lấy tiền làm nhà cho cụ S ở và tìm mộ liệt sỹ. Số tiền bán được là 490.000.000đ chia đều cho mỗi người 50.000.000đ hết 350.000.000đ, số tiền còn lại 140.000.000đ dùng để xây nhà cho cụ S ở và thờ cúng tổ tiên.

Tại đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo bà N đề nghị Tòa án giải quyết công nhận diện tích 352m^2 đất tại tờ bản đồ số 5 số thửa 145 và 144 là di sản thừa kế của bố mẹ bà để lại, chia di sản thừa kế theo pháp luật và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 644165 do UBND huyện Y Lạc cấp ngày 01/10/2001 cho "hộ bà Lê Thị S" tại thôn T, xã Y , huyện Y , tỉnh Vĩnh Phúc.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020 bà N rút yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 644165 do UBND huyện Y Lạc cấp ngày 01/10/2001 cho "hộ bà Lê Thị S"; ngày 31 tháng 8 năm 2020 bà N tiếp tục xin rút một phần yêu cầu khởi kiện: Không yêu cầu chia phần diện tích đất đã bán cho bà T và ông P vì không còn là di sản thừa kế. Vì vậy Tòa án không giải quyết hai yêu cầu này của bà N.

[2.2] Theo đo đạc thực tế thì tổng 02 thửa đất số 144, 145 tờ bản đồ số 5 tại thôn T, xã Y , huyện Y đứng tên "Hộ bà Lê Thị S" có tổng diện tích là 360,7m^2, các đương sự thỏa thuận:

- Phần diện tích đã bán cho vợ chồng bà T và ông P đo thực tế là 180,1m^2 (bao gồm toàn bộ thửa đất số 144 và một phần thửa đất số 145, trong đó có 173,1m^2 đất ở và 7m^2 đất vườn). Thửa đất có ký hiệu S1 được xác định bởi các mốc 4,5,6,7,4 bà T ông P được toàn quyền quản lý, sử dụng.

- Phần đất còn lại để chia thừa kế là 180,6m^2 thuộc thửa 145, các đương sự thỏa thuận chia như sau:

Bà Trần Thị N, bà Trần Thị Q, bà Trần Thị R, bà Trần Thị Đ, bà Trần Thị Y được quản lý, sử dụng 120,6m^2 đất thuộc thửa số 145 (trong đó có 106,6m^2 đất ở và 14m^2 đất vườn) và 01 nhà cấp 4; 01 sân gạch trên đất để thờ cúng tổ tiên. Thửa đất có ký hiệu trên bản đồ là S3 được xác định bởi các các mốc 8,9,10,11,8.

Phần còn lại 60m^2 đất (trong đó có 53m^2 đất ở và 7m^2 đất vườn), phần này không có nhà và giáp với phần đất của bà T và ông P) cụ Lê Thị S và bà Trần Thị T được quản lý và sử dụng (phần của mỗi người là 30m^2). Thửa đất có ký hiệu trên bản đồ là S2 được xác định bởi các mốc 1,2,3,4,7,8,11,1.

(Có bản đồ kèm theo).

- Về án phí: Các đương sự thỏa thuận trách nhiệm chịu án phí của mỗi người theo quy định của pháp luật.

3. Căn cứ thỏa thuận trên các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4. Về án phí:

- Bà Trần Thị N, bà Trần Thị Q, bà Trần Thị R, bà Trần Thị Đ, bà Trần Thị Y và cụ Lê Thị S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Trần Thị T phải chịu 2.475.000đ [(30m^2 x 3.300.000đ/1m^2) x 2,5% = 2.475.000 đ].

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hoàng Thanh